

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XÂY LẮP THƯƠNG MẠI THỊNH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XÂY LẮP THƯƠNG MẠI THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THINH PHAT MANUFACTURING CONSTRUCTION TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110392303

**3. Ngày thành lập:** 20/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 21, ngách 16/58 Đỗ Xuân Hợp, TDP 15, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0922612000

Fax:

Email: [thinhphatcompany25@gmail.com](mailto:thinhphatcompany25@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322(Chính) |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc; Thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các toà nhà; Chôn chân trụ; Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; Uốn thép                                                                                                                                  | 4390        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng | 4659        |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ bán buôn vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4662        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4663        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4669        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                      | 8299        |
| 9.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7110        |
| 10. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4690        |

|     |                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                        | 4719 |
| 12. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                         | 4721 |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                          | 4722 |
| 14. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                            | 4723 |
| 15. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                 | 4730 |
| 16. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                               | 2310 |
| 17. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                | 2391 |
| 18. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                     | 2392 |
| 19. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                          | 2591 |
| 20. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                        | 2640 |
| 21. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                            | 2651 |
| 22. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                       | 2731 |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng | 7730 |
| 24. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá                                                                                                           | 3530 |
| 25. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                       | 4222 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                     | 4321 |
| 27. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                    | 4741 |
| 28. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                 | 4742 |
| 29. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4751 |
| 30. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4752 |
| 31. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                               | 4753 |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                   | 4759 |
| 33. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                  | 4761 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐÀO DUY<br>DŨNG   | Thôn Nam Lỗ, Xã<br>Chương Dương,<br>Huyện Đông<br>Hưng, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 300.000       | 3.000.000.000            | 33,333       | 0342000073<br>64                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                     | Tổng số                            | 300.000       | 3.000.000.000            | 33,333       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN NGỌC<br>HIỆP | Tổ 1, Phường Kỳ<br>Sơn, Thành phố<br>Hoà Bình, Tỉnh<br>Hòa Bình, Việt<br>Nam        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 300.000       | 3.000.000.000            | 33,333       | 0172000055<br>12                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                     | Tổng số                            | 300.000       | 3.000.000.000            | 33,333       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                    |                           |         |               |        |              |  |
|---|--------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 3 | ĐÀO DUY ĐÔNG | Thôn Tiên Phong, Xã Vũ Vân, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 33,333 | 034200002000 |  |
|   |              |                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                    | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 33,333 |              |  |
|   |              |                                                                    |                           |         |               |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO DUY ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/01/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034200002000

Ngày cấp: 25/12/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Tiên Phong, Xã Vũ Vân, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tiên Phong, Xã Vũ Vân, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội